TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ – ST
Ngày 19 tháng 5 năm 2020
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nhung

2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐ – ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Dương Thị K, sinh năm 1983, (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1968, (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2019 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K1 kết hôn ngày 22/11/2011 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong chị về làm dâu và sống chung cùng anh K1 tại xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường, đến cuối năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K1 chơi bời, rượu chè, không chịu làm ăn rồi về nhà kiếm cớ gây sự đánh chửi chị. Thời gian đầu chị cố gắng chịu đựng để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng anh K1 không hề thay đổi. Đến đâu năm 2017 do bị anh K1 đánh đuổi nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, thành phố Psinh sống từ tháng 02 năm 2017, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, liên lạc với nhau trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K1 để chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Chị và anh K1 không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh K1 trình bày:

Anh và chị K kết hôn năm 2011, được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Kết hôn xong chị K về sống chung cùng anh tại xã N. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2017 chị K bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay không quay về sống cùng anh nữa. Nay chị K làm đơn xin ly hôn là yêu cầu của một mình chị K, anh không làm đơn nên anh không đến Tòa án làm việc. Nếu chị K kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị K giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, về con chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị K và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn K1 vắng mặt tại Tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Dương Thị K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K1 có hộ khẩu thường trú tại: Xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh K1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 22/11/2011 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị K và anh K1 có hộ khẩu thường trú đều thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị K và anh K1 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không cùng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau. Chính vì vậy vợ chồng thường xuyên xô sát, đánh chửi nhau mặc dù đã được gia đình, địa phương khuyên giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không có hướng để giải quyết. Chị K và anh K1 hiện nay đang sống ly thân, chị K đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ đầu năm 2017, còn anh K1 sống một mình tại xã N, thành phố P.

Từ đó đến nay cả hai không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị K làm đơn xin ly hôn anh K1, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc chị K làm đơn xin ly hôn anh K1 vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh K1 rượu chè, chơi bời không chịu lao động dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi chửi nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng anh K1 đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của chị K, anh K1 đều xác định anh chị đã sống ly thân được một thời gian từ năm 2017 đến nay, không còn liên lạc và bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Anh K1 có biết việc chị K làm đơn xin ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh K1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị K và anh K1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn K1.

2. Về án phí: Chị Dương Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004158 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung